

RÀO CẢN MÔI TRƯỜNG - “RÀO CẢN XANH” CỦA EU VÀ GIẢI PHÁP VƯỢT RÀO ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU

GS. TS. Đỗ Đức Bình
Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Cùng với xu hướng tự do hoá thương mại toàn cầu, ngày nay các quốc gia đều phải đối mặt trước những vấn đề mang tính toàn cầu, trong đó phải kể đến phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Vấn đề sống còn đối với các quốc gia đang và kém phát triển là phải khai thác triệt để các cơ hội và giảm thiểu các thách thức để tối đa hoá lợi ích ròng mà thương mại có thể mang lại cho sự phát triển bền vững của quốc gia.

Trong thương mại quốc tế, các nước phát triển (trong đó có EU) ngày càng đặt ra nhiều rào cản mới, trong đó có “rào cản xanh” để hạn chế nhập khẩu, thậm chí trừng phạt những vi phạm trong thương mại quốc tế. Để đối phó và chủ động vượt qua rào của các nước phát triển (trong đó có EU), Việt Nam không có sự lựa chọn nào khác là phải từng bước áp dụng các tiêu chuẩn theo chuẩn mực quốc tế (trong đó có tiêu chuẩn của EU) trong quá trình sản xuất kinh doanh. Chỉ có như vậy, hàng hoá Việt Nam mới có thể xâm nhập tốt vào thị trường khó tính bậc nhất - đó là EU.

1. Các quy định về rào cản môi trường - “rào cản xanh” của EU trong các hoạt động thương mại

Trước hết, về tư duy nhận thức, chúng ta cần phải thừa nhận rằng không phải bất cứ rào cản nào cũng phải phi lý, gây cản trở... tức là tiêu cực hơn tích cực. Cần phải khẳng định: Có rào cản hợp lý, khoa học và khách quan buộc mọi quốc gia, doanh nghiệp phải tuân thủ thực hiện; Có rào cản phi lý không khách quan, mang nặng tính áp đặt, trả đũa, trừng phạt,... cần phải thoả thuận, đàm phán để dỡ bỏ.

Liên quan đến “rào cản xanh”, chương trình hành động lần thứ 5 của EU đã nhấn mạnh việc xử lý những nguyên nhân gốc rễ về các vấn đề môi trường, chứ không phải là đối phó với các rắc rối khi chúng đã xảy ra. Danh sách các sản phẩm chịu tác động của các quy định bắt nguồn từ chính sách môi trường và ý thức người tiêu dùng rất dài (rất nhiều). Ví dụ như các sản phẩm tươi, thực phẩm chế biến, dược phẩm, hoá chất, đồ da, sản phẩm gỗ, dệt may, đồ điện, cơ khí và

khoáng sản. Trong các vấn đề nhạy cảm có lượng thuốc trừ sâu không phân huỷ, phụ gia thực phẩm, kim loại nặng, các chất gây nhiễm độc, sử dụng hoá chất, ô nhiễm nước, không khí và cạn kiệt các nguồn tài nguyên không tái sinh. Chính sách môi trường của EU thể hiện ở hai cấp độ: cấp độ sản phẩm và cấp độ doanh nghiệp. Bên cạnh những sản phẩm đang và sẽ bị cấm trên thị trường EU, những hệ quả trước mắt đối với các nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam) phải đáp ứng là:

- Các biện pháp được áp dụng để giảm bao bì phế thải, tái sử dụng và tái chế nguyên liệu bao bì;

- Tăng cường áp dụng hệ thống đánh giá và quản lý môi trường, sử dụng dấu xác nhận tiêu chuẩn môi trường;

- Tầm quan trọng ngày càng tăng của dấu xác nhận tiêu chuẩn môi trường đối với nhiều sản phẩm khác nhau đối với hành vi mua sắm của người tiêu dùng EU;

Về “rào cản xanh” của EU trong hoạt động thương mại được quy định như sau:

1.1. Bao bì và phế thải bao bì

Hầu hết các sản phẩm mua bán trên thị trường EU phải được bao gói nhằm bảo vệ sản phẩm hàng hoá. Liên minh Châu Âu quy định rất chặt chẽ đối với vấn đề quản lý bao bì và phế thải bao bì. Chỉ thị 94/62/EEC quy định “bao bì và phế thải bao bì của EU được áp dụng chung cho cả hàng sản xuất nội địa

và hàng nhập khẩu”. Quy định này được E đưa ra nhằm hạn chế tối thiểu phế thải bao bì từ nguồn gốc rác thải sinh hoạt để bảo vệ môi trường.

Quy định về bao bì và phế thải bao bì được thể hiện ngay từ trong quá trình sản xuất và thành phần của bao bì cũng như đối với việc thu hồi và tái chế bao bì. Ví dụ, việc thu hồi bao bì và tái chế bao bì phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bao bì thu hồi ở dạng vật liệu tái sử dụng được phải được sản xuất theo phương thức để có thể chiếm một tỷ lệ phần trăm khối lượng vật liệu được dùng vào việc sản xuất thành những sản phẩm có thể bán được phải phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành của châu Âu;

- Phải tái chế đạt 50-60% rác bao bì bằng số nguyên liệu tái chế hay đốt để thu lợi năng lượng;

- Loại bao bì không thể tái sử dụng, phải đem đốt cần đảm bảo không làm ảnh hưởng đến môi trường bởi các khí độc hại thải ra.

Như vậy, các nhà xuất khẩu phải nắm được những yêu cầu này mới có thể trở thành và tiếp tục là đối tác thương mại của các doanh nghiệp của EU. Các nhà xuất khẩu phải thực hiện tốt các quy định về môi trường, nghĩa là bao bì (bao bì vận chuyển bao bì thương mại...) phải được giới hạn và có thể tái chế.

1.2. Các tiêu chuẩn quản lý chất lượng và quản lý môi trường

Các tiêu chuẩn quản lý chất lượng gồm quản lý chất lượng sêri ISO 9000 như ISO 9000, ISO 9001, ISO 9002. Các nhà sản xuất phải coi chứng nhận ISO 9001 và ISO 9002 như là một tài sản quan trọng và là điểm bắt đầu để cạnh tranh trong thị trường EU.

Bên cạnh tiêu chuẩn quản lý chất lượng nêu trên, tiêu chuẩn quản lý môi trường ISO 14001 cho phép các nhà sản xuất, xuất khẩu có cơ hội giới thiệu với các đối tác bên ngoài rằng việc sản xuất được thực hiện theo phương pháp trung thành, thân thiện với môi trường. Hệ thống kiểm tra và quản lý sinh thái (Ecological Management and Audit Scheme – EMAS) là công cụ quản lý đối với các doanh nghiệp, các tổ chức để đánh giá, báo cáo và cải thiện việc thực hiện bảo vệ môi trường của họ.

1.3. Nhãn hiệu sinh thái (ECO-label)

Ngay từ tháng 12/1991, Hội đồng Bộ trưởng Môi trường của EU đã thông qua chương trình cấp nhãn hiệu sinh thái EU theo quyết định số 880/92 để thúc đẩy việc thiết chế, sản xuất, bán và sử dụng sản phẩm xanh. Nhãn hiệu sinh thái được cấp cho những hàng hoá/dịch vụ không bao gồm thực phẩm, đồ uống và dược phẩm. Hiện nay, có 14 nhóm sản phẩm nằm trong phạm vi chương trình nhãn hiệu sinh thái của EU, đó là: bột giặt, bóng điện, máy giặt, giấy copy, tủ lạnh, giày dép, máy tính cá nhân, giấy ăn,

máy rửa bát, máy làm màu đất, nệm trải giường, sơn và vecni, sản phẩm dệt và nước rửa bát. Hiện nay, Ủy ban Châu Âu đang xây dựng tiêu chuẩn đối với 7 nhóm sản phẩm khác nữa.

Bên cạnh quy định chung về môi trường như nêu ra ở trên, EU còn đưa ra các quy định về tiêu chuẩn môi trường cho một số mặt hàng cụ thể như nông sản, thủy sản, may mặc, da giày, đồ gỗ,... Vì vậy, để sản xuất và xuất khẩu sang thị trường EU, các nhà sản xuất, các doanh nghiệp cần phải nghiên cứu và nắm vững các quy định này để tuân thủ và thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

2. Khả năng đáp ứng của hàng hoá và các doanh nghiệp Việt Nam đối với các quy định và tiêu chuẩn môi trường của EU

2.1. Khái quát khả năng đáp ứng của một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU

Việt Nam có nhiều mặt hàng khác nhau đang và sẽ tiếp tục xuất khẩu sang thị trường EU. Nhưng những mặt hàng như thủy hải sản, gỗ, dệt may, chè, giày dép là những mặt hàng có thể bị ảnh hưởng nhiều nhất dưới tác động của các khía cạnh về môi trường trong hiệp định thương mại và mậu dịch quốc tế nói chung và buôn bán với EU nói riêng.

Về hàng thủy hải sản: Nhìn chung, các mặt hàng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam

đã đáp ứng về cơ bản các quy định và tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP). Tuy nhiên, do thực hiện không đồng bộ và khâu kiểm tra, giám sát yếu nên vẫn có những trường hợp hoặc do sơ suất của doanh nghiệp, hoặc do cố tình vi phạm các quy định của nước nhập khẩu (EU) như dư lượng hoá chất độc hại cao hơn mức cho phép...

Về mặt hàng gỗ: Hiện tại Việt Nam chưa có nhiều doanh nghiệp sản xuất gỗ được cấp chứng chỉ rừng FSC. Thiếu chứng chỉ này, hàng Việt Nam sẽ kém cạnh tranh hơn so với sản phẩm của các nước có chứng chỉ. Đặc biệt, nếu hàng có chứng chỉ này sẽ dễ tiếp cận thị trường EU.

Đối với hàng dệt may: Khả năng đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn môi trường quốc tế về sản phẩm thân thiện môi trường hay tiêu chuẩn “xanh” đối với sản phẩm dệt may Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Trong điều kiện hiện nay, nói đến hàng may mặc “xanh” là nói tới các sản phẩm được chấp nhận về mặt môi trường, đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn sinh thái, an toàn về sức khoẻ đối với người sử dụng và quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.

Đối với mặt hàng chè xuất khẩu: Hiện tại và triển vọng những năm tới, chè xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU vẫn có xu hướng gia tăng. Nhưng để xuất khẩu chè tăng bền vững và hiệu quả, điều có ý nghĩa quyết định là phải giảm dư lượng

thuốc trừ sâu trong chè, phải chú trọng nâng cao chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm... Vấn đề quan trọng của ngành chè là phải khắc phục được dư lượng thuốc trừ sâu trong chè và nấm mốc.

Mặt hàng giày dép: Hiện nay, nhìn chung các sản phẩm giày dép của Việt Nam đã đáp ứng được các yêu cầu về an toàn và môi trường do hầu hết công nghệ và nguyên liệu của ngành da giày phải nhập khẩu và phần lớn doanh nghiệp xuất khẩu lớn là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, với chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành da giày, Việt Nam cần phải cân nhắc tính toán giữa lợi ích kinh tế và môi trường khi có sự chuyển dịch này.

2.2. Khái quát về khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp Việt Nam đối với các quy định và tiêu chuẩn môi trường

* Nhận thức của các doanh nghiệp về các quy định, tiêu chuẩn môi trường rất hạn chế. Các doanh nghiệp chưa nắm bắt tốt các thông tin về các hiệp định môi trường đa phương hoặc các quy định của WTO về môi trường. Vấn đề môi trường mới chỉ được doanh nghiệp đề cập dưới góc độ bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất mà chưa chú ý đến các khâu khác có liên quan đến trước và sau quá trình sản xuất.

* Ở Việt Nam, tiêu chuẩn về nhãn sinh thái và nhãn môi trường cho sản phẩm ít được các nhà sản xuất cũng như các nhà quản lý quan tâm. Điều này thể hiện, cho đến

nay có rất ít doanh nghiệp được cấp chứng nhận nhãn môi trường theo tiêu chuẩn của ISO 14000.

* Các tiêu chuẩn về phương pháp sản xuất, chế biến: Nhìn chung công nghệ sản xuất các mặt hàng chế biến của Việt Nam hiện nay còn lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, phương pháp đánh bắt hải sản còn thô sơ...

* Các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm: Bên cạnh những doanh nghiệp thực hiện tốt các tiêu chuẩn này, vẫn còn có một số doanh nghiệp do hạn chế về vốn đầu tư và chi phí giá thành cao nên chưa áp dụng tốt công nghệ xử lý độc tố và côn trùng trong sản phẩm và do đó chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về môi trường của EU.

3. Đánh giá chung về khả năng đáp ứng của Việt Nam đối với các tiêu chuẩn môi trường của EU

3.1. Những mặt tích cực và thích ứng

Nhìn chung, Việt Nam đã có nhiều tiến bộ trong cải thiện chất lượng hàng hoá xuất khẩu, trong đó có vấn đề đáp ứng các yêu cầu môi trường của nước nhập khẩu (EU). Cụ thể là:

Thứ nhất, hàng hoá của Việt Nam phần lớn đã được chấp nhận ở các thị trường thuộc EU. Đây là các thị trường có yêu cầu cao về an toàn sức khoẻ và vệ sinh môi trường.

Thứ hai, Hệ thống các quy định và tiêu chuẩn môi trường ở Việt Nam ngày càng

được hoàn thiện theo hướng tuân thủ các chuẩn mực quốc tế như HACCP, ISO 9000, ISO 14000 (Nước ta đã có hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành về chất lượng hàng thuỷ sản, cà phê, rau quả và thực phẩm. Nhiều văn bản về vệ sinh an toàn thực phẩm đã được ban hành và có tác dụng đối với sản xuất, kinh doanh...)

Thứ ba, Bước đầu đã có sự phối kết hợp, lồng ghép các vấn đề môi trường vào các chính sách phát triển thương mại và các vấn đề thương mại vào trong chính sách môi trường.

Thứ tư, Các doanh nghiệp đã có những điều chỉnh nhất định chiến lược kinh doanh để đáp ứng tốt hơn các vấn đề môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế như tăng cường thông tin, đầu tư đổi mới công nghệ, từng bước quy hoạch sản xuất, lựa chọn các phương pháp nuôi trồng, chế biến... cho thân thiện với môi trường.

Thứ năm, Nhà nước đã có những biện pháp hỗ trợ nhất định đối với doanh nghiệp như cung cấp kỹ thuật, xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia, cấp giấy chứng nhận môi trường, giám sát chặt chẽ các nguồn hàng xuất khẩu, xử lý vi phạm.

3.2. Một số hạn chế (chưa đáp ứng với quy định và tiêu chuẩn môi trường của EU)

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường của nước nhập khẩu nói chung,

EU nói riêng của các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng nhạy cảm với môi trường vẫn đang nổi lên không ít bất cập, đó là:

Thứ nhất, Hiện tại có rất ít các doanh nghiệp có được chứng chỉ môi trường do các cơ quan quốc gia và quốc tế cấp như chứng chỉ ISO 14000, nhãn hiệu sinh thái. Ngay cả sản phẩm gỗ là mặt hàng dễ đáp ứng nhất các yêu cầu môi trường, nhưng cũng chưa có nhiều doanh nghiệp được cấp chứng chỉ.

Thứ hai, Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn về quá trình sản xuất, chế biến còn rất hạn chế.

Thứ ba, Tình trạng vi phạm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm còn khá phổ biến đối với các doanh nghiệp chế biến thủy sản, rau quả, thịt.

Sở dĩ có những hạn chế, bất cập trên là do cả về phía Nhà nước và doanh nghiệp. Các nguyên nhân thuộc về Nhà nước như: Hệ thống quy định và tiêu chuẩn về môi trường trong nước còn thiếu và chưa phù hợp với quy định quốc tế; Nhà nước thực thi quá ít các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường do nước nhập khẩu đưa ra; Chiến lược phát triển quá nhấn mạnh tăng trưởng, chưa chú ý đầy đủ đến môi trường, sinh thái... Về phía doanh nghiệp là do nhận thức chưa đầy đủ về các vấn đề thương mại môi trường; Hạn chế về thông tin, tài chính và chuyên môn...

Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan nêu trên, cần phải khẳng định rằng, nhiều khi các nhà nhập khẩu đưa ra các tiêu chuẩn môi trường quá cao (trong nhiều trường hợp còn cao hơn cả tiêu chuẩn đối với hàng hoá trong nước của họ) và có sự phân biệt đối xử giữa các đối tác khác nhau. Trong điều kiện này, buộc phải giải quyết bằng thương lượng đàm phán.

4. Một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng đáp ứng các rào cản môi trường của EU để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam

4.1. Các giải pháp về phía Nhà nước

4.1.1. Điều chỉnh luật pháp trong nước phù hợp với các nguyên tắc và các tiêu chuẩn của WTO

Trước mắt, cần sớm xây dựng các chính sách toàn diện về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

Nâng cao năng lực của cơ sở đào tạo các trung tâm thử nghiệm cũng như các tổ chức chứng nhận đạt tiêu chuẩn.

Việt Nam cần sớm có các quy định về cấm nhập khẩu các sản phẩm đã bị cấm ở thị trường nước ngoài, các quy định về nhãn hiệu hàng hoá thân thiện với môi trường. Việc xây dựng và áp dụng các chính sách và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và vệ sinh thực phẩm phù hợp với điều kiện trong nước và cạnh tranh với tiêu chuẩn quốc tế vừa bảo v

người tiêu dùng trong nước, vừa thúc đẩy quá trình hội nhập của Việt Nam.

4.1.2. Đẩy mạnh giáo dục và nâng cao nhận thức về môi trường

* Mở các chiến dịch đào tạo một cách bài bản và tuyên truyền phổ biến các quy định và tiêu chuẩn về môi trường cho các nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân, đặc biệt là nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường và thay đổi sở thích tiêu dùng hàng hoá theo hướng có lợi cho môi trường.

* Đầu tư về nhân lực và tài chính thoả đáng để vừa tuyên truyền, vừa tập huấn cho nông dân, ngư dân, các nhà sản xuất, khuyến cáo họ không sử dụng chất kháng sinh và các hoá chất độc hại nhằm tạo dựng môi trường nuôi trồng, chế biến sạch, tạo ra các sản phẩm sạch cung ứng cho thị trường trong và ngoài nước.

4.1.3. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu thông qua các chính sách ưu đãi tín dụng hợp lý (không vi phạm quy định của WTO) cho đầu tư công nghệ xử lý các vấn đề liên quan đến môi trường, đồng thời đẩy mạnh sự phát triển của thị trường dịch vụ môi trường nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong khâu kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường.

4.1.4. Sớm ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (chính sách phải được thể chế hoá), đồng thời tổ

chức kênh thông tin tốt hơn nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các rào cản về môi trường.

Hiện nay, nước ta có khoảng trên 300.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo kế hoạch, đến năm 2010 sẽ có 500.000 doanh nghiệp loại này. Thực tế chỉ ra rằng, đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa không hiểu biết tốt về các thông tin thị trường, đặc biệt là thị trường thế giới. Vì vậy, việc thực thi có hiệu quả giải pháp này từ phía Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thậm chí có tính quyết định đối với thành bại trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Song song với các giải pháp trên, cần phải khắc phục tính hình thức trong việc tham gia công ước quốc tế về môi trường; Thực hiện có hiệu lực, hiệu quả hơn công tác kiểm tra, giám sát việc đảm bảo chất lượng, đảm bảo các điều kiện về môi trường và xử lý kịp thời những sai phạm để không làm ảnh hưởng xấu đối với đất nước, doanh nghiệp và con người Việt Nam. Đây là điều kiện tiên quyết góp phần phát triển bền vững hoạt động xuất khẩu hiện tại cũng như tương lai, đặc biệt đối với đối tác khó tính và đề cao “chữ tín” như EU.

4.2. Các giải pháp đối với doanh nghiệp

4.2.1. Các giải pháp chung: Đề nghị càng đáp ứng tốt hơn các quy định và tiêu

chuẩn môi trường của WTO cũng như EU, các doanh nghiệp cần:

* Đầu tư công nghệ là một giải pháp quan trọng nhất để nâng cao sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu của doanh nghiệp và Việt Nam nói chung, bởi lẽ một mặt làm giảm giá thành sản xuất, mặt khác nâng cao chất lượng do đáp ứng các tiêu chuẩn của các nhà nhập khẩu về bao bì đóng gói, về an toàn vệ sinh, quy trình chế biến...

Để đáp ứng yêu cầu về môi trường của nước nhập khẩu, doanh nghiệp cần phải cải tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật của các thiết bị xử lý chất thải, hạn chế tác nhân gây ô nhiễm môi trường, sử dụng công nghệ sạch ít gây ô nhiễm hơn hoặc không gây ô nhiễm...

* Đổi mới tư duy và nhận thức về tầm quan trọng của môi trường và tác động của nó liên quan đến thương mại.

* Xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn có tính đến các tác động của các quy định tiêu chuẩn và quy định môi trường về sản phẩm.

* Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000, ISO 14000, HACCP...

* Đào tạo nguồn nhân lực để sớm có đội ngũ đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng, trình độ chuyên môn về môi trường, xây dựng tổ chức quản lý môi trường trong doanh nghiệp và chuẩn bị nhân lực tốt cho việc điều hành hoạt động quản lý môi trường của doanh nghiệp.

* Tăng cường công tác thông tin thời, đầy đủ, chính xác. Điều này buộc doanh nghiệp phải có bộ phận tiếp nhận thông tin và phổ biến kịp thời để doanh nghiệp thực hiện (Ví dụ, các thông tin về các quy định của Hiệp định SPS và TBT,...)

4.3. Giải pháp đối với một số mặt hạn chế

4.3.1. *Nông sản*: Phải có quy hoạch định cho các vùng cây trồng, hạn chế sự thoái của hệ thống canh tác; Quy hoạch và sinh thái nông nghiệp, xây dựng hệ thống canh tác có hiệu quả trên vùng sinh thái; Xây dựng các văn bản tiêu chuẩn và quy trình thuật về cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y... làm cơ sở cho công tác quản lý và hướng dẫn người sản xuất. Ban hành đầy đủ, đồng bộ các văn bản có tính pháp lý quản lý sản xuất nông nghiệp như pháp lệnh kiểm dịch động thực vật, pháp lệnh thú y và cao hơn là các luật về các vấn đề này...

Để đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu, các doanh nghiệp xuất khẩu cần kiểm tra hàng trước khi xuất khẩu, chứng minh khu vực không bị nhiễm sâu bệnh, bảo đảm nguồn gốc xuất xứ, bảo đảm an toàn tại cơ sở trung tâm xử lý sâu bệnh, đóng gói bảo quản, kiểm tra và chứng nhận vệ sinh thực vật...

4.3.2. *Thủy sản*: Phải quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, áp dụng biện pháp quản lý quá trình nuôi trồng. Cần có chính sách phát triển đồng bộ và hiệu quả

để cùng thực hiện tốt hai mục tiêu: phát triển sản xuất, xuất khẩu và bảo vệ môi trường. Áp dụng các biện pháp đánh bắt hiện đại để bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Xây dựng hệ thống kiểm tra chất lượng thủy sản xuất khẩu đồng bộ để các doanh nghiệp có được các chứng nhận về quy định, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

4.2.3. *Đối với công nghiệp chế biến (dệt may, da giày, đồ gỗ):* Về cả nhận thức và hành động cần quyết liệt giải quyết hiện trạng ô nhiễm, hạn chế sự cố môi trường chống suy thoái môi trường công nghiệp; Ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu ô nhiễm công nghiệp, đầu tư thay đổi thiết bị công nghệ sản xuất, chú trọng công nghệ sạch; Lựa chọn công nghệ thích hợp với chiến lược phát triển bền vững. Áp dụng công nghệ sử dụng ít năng lượng, công nghệ cao cho sản xuất sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, công nghệ ít chất thải, không gây độc hại; Thay đổi nguyên liệu và tập quán sản xuất; Thay đổi nhiên liệu, thay thế than, dầu bằng khí đốt; Ngành nhuộm, thuộc da cần tuân thủ nghiêm ngặt các hiệp định quốc tế về sử dụng hoá chất trợ nhuộm, thuốc nhuộm và hoá chất thuộc da độc hại; Khuyến khích áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000.

Tài liệu tham khảo

1. Viện Nghiên cứu thương mại – Bộ Công thương (11/2006). *Doanh nghiệp Việt Nam với các vấn đề bảo vệ môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế*.
2. Viện Nghiên cứu thương mại – Bộ Công thương (12/2006). *Khảo sát, đánh giá tác động của thương mại đến môi trường giai đoạn 2001-2005*.
3. Viện Nghiên cứu Thương mại – Bộ Công thương (3/2008). *Báo cáo tổng hợp Các quy định, tiêu chuẩn môi trường đối với hàng thủy sản, nông sản, đồ gỗ xuất khẩu, mặt hàng dệt may và da giày và các giải pháp giúp doanh nghiệp đáp ứng các quy định tiêu chuẩn môi trường và tăng trưởng xuất khẩu bền vững*.
4. <http://thethaodoanhnhannhan>. Việt Nam/- *Rào cản môi trường - một công cụ bảo hộ*.
5. <http://www.nea.gov>. Việt Nam/- *Rào cản môi trường trong thương mại quốc tế đối với một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam*.
6. <http://www.na.gov.vn/htx/Vietname> *se/C1461/- Thị trường EU: Nhiều điều chưa biết*.